

Số: 58/2019/QĐST-DS

Thành phố Tây Ninh, ngày 25 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: [56/2019/TLST-DS](#) ngày 21 tháng 02 năm 2019,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1980;

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1980;

Cùng trú tại: Khu phố M, Phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn:

1. Bà Ngô Thị Cẩm H, sinh năm 1974; trú tại: ấp GC, xã BM, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh;

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1962; trú tại: ấp GC, xã BM, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn V, sinh năm 1971; trú tại: ấp GC, xã BM, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1962; trú tại: ấp GC,

xã BM, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền 06/6/2019)

2. Bà Ngô Thị Cẩm H, sinh năm 1978; trú tại: Khu phố NL, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1963; trú tại: ấp GC, xã BM, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh;

4. Bà Lê Thị P, sinh năm 1971;

5. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1970;

Cùng trú tại: ấp GC, xã BM, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Ngô Thị Cẩm H có trách nhiệm trả cho bà vợ chồng ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Hồng C số tiền 240.000.000 đồng, bà H được tiếp tục sử dụng diện tích đất đang quản lý sử dụng thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp GC, xã BM, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (phần đất phía trước giáp đường tự chừa 4m theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 370653).

- Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V cùng có trách nhiệm trả cho bà vợ chồng ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Hồng C số tiền 25.000.000 đồng, ông T, bà V được tiếp tục sử dụng diện tích đất đang quản lý sử dụng thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp GC, xã BM, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (phần đất phía sau giáp đất của bà H sử dụng).

- Bà Lê Thị P, ông Huỳnh Văn N cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Hồng C số tiền 25.000.000 đồng, ông N, bà P được tiếp tục sử dụng diện tích đất đang quản lý sử dụng thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp GC, xã BM, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (phần đất phía sau giáp đất của bà H sử dụng).

- Vợ chồng ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Hồng C đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 370653 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Hồng C đứng tên ngày 08/9/2016 (bản chính), vợ chồng ông Q, bà C có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H, ông T, bà V, bà P, ông N.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà H phải chịu 6.000.000 (sáu triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông T, bà V phải chịu 625.000 (sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông N, bà P phải chịu 625.000 (sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Q, bà C không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên

lai thu số 0006597 ngày 21-02-2019 và 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0007154 ngày 12-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày ông Q, bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H, ông T, bà V, ông N, bà P chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho ông Q, bà C số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Lê Phan Tuyền